TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 11 năm 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RChâm Đương

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn P; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau đến năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, anh P thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập, chị H và không quan tâm đến gia đình nên chị H đã cùng các con chuyển về quê sinh sống đến nay. Chị H nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh P, mục

đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P có 02 con chung là cháu Trần Thị M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 và cháu Trần B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010. Hiện nay chị Nguyễn Thị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Ly hôn, chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh Trần Văn P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị Nguyễn Thị H làm công nhân, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, có đủ khả năng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là anh Trần Văn P đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng anh Trần Văn P cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh Trần Văn P.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Trần Thị M và cháu Trần B; Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Thị M và cháu Trần B; Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị H; Xác nhận thông tin về cư trú ngày 05/9/2023 của chị Nguyễn Thị H; 02 Biên bản xác minh ngày 31/7/2023 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai liên tiếp nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai liên tiếp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị H nêu lý do yêu cầu ly hôn là sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau đến năm 2019 thì xảy ra

nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, anh P thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập, chị H và không quan tâm đến gia đình nên chị H đã cùng các con chuyển về quê sinh sống đến nay. Anh P không tham gia các phiên hòa giải để đoàn tụ và tại phiên tòa cũng vắng mặt, điều đó cho thấy anh P không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P có 02 con chung là cháu Trần Thị M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 và cháu Trần B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi vợ chồng ly thân thì cả 02 con vẫn do chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và các con cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị H, anh P không có ý thức chấp hành pháp luật, không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H. Chị H có việc làm, thu nhập ổn định và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn P là cháu Trần Thị M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 và cháu Trần B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao

động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008968 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính